CTCP Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh (HNX: QST)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	20,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,559
SL cổ phiếu LH	3,240,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	66
P/E	6.6
EPS	3,119

	YTD	1T	3T	6T
QST	0.0%	0.0%	1.5%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản

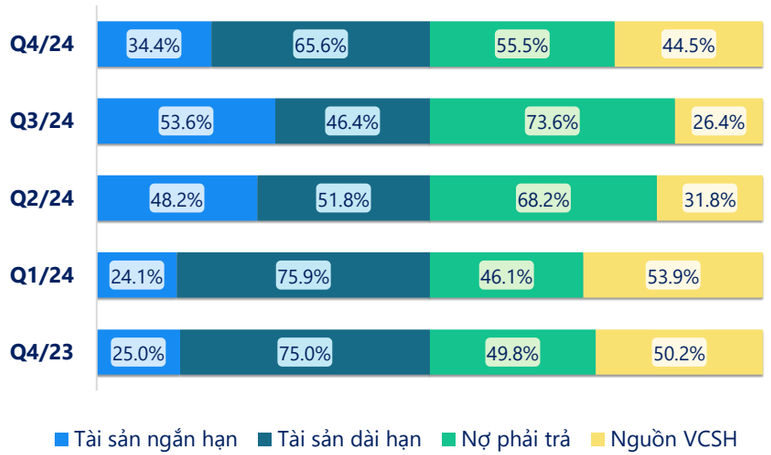

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

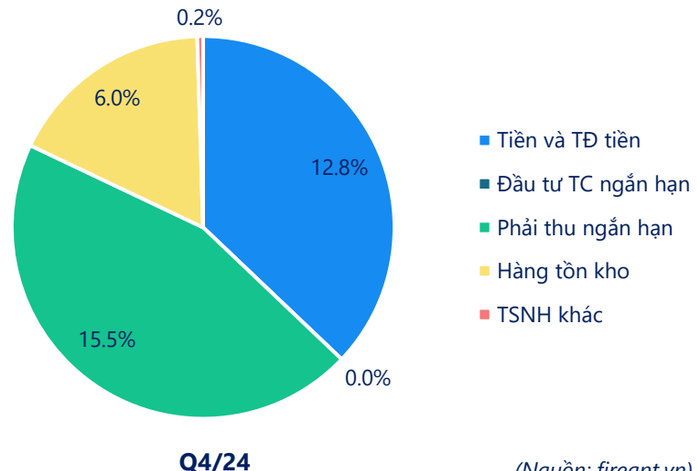

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

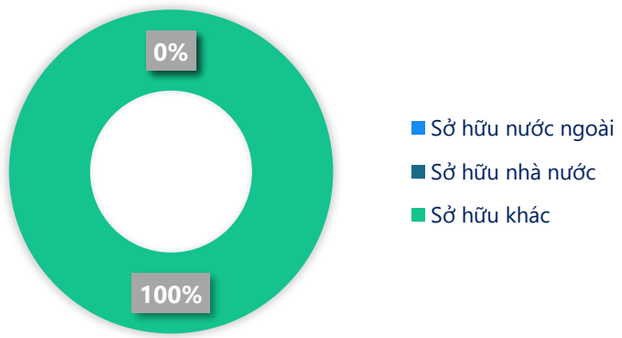

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

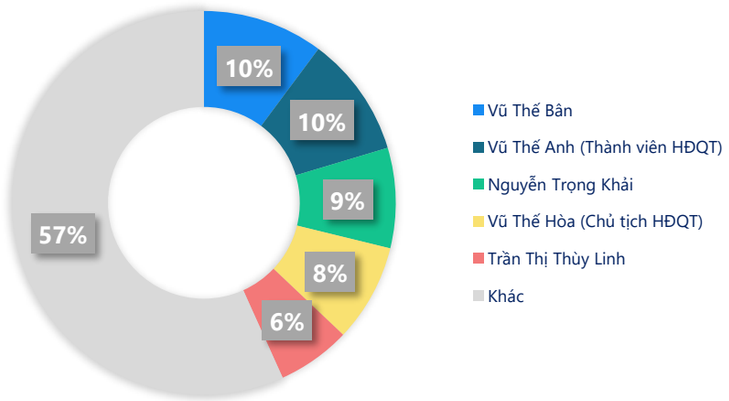

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

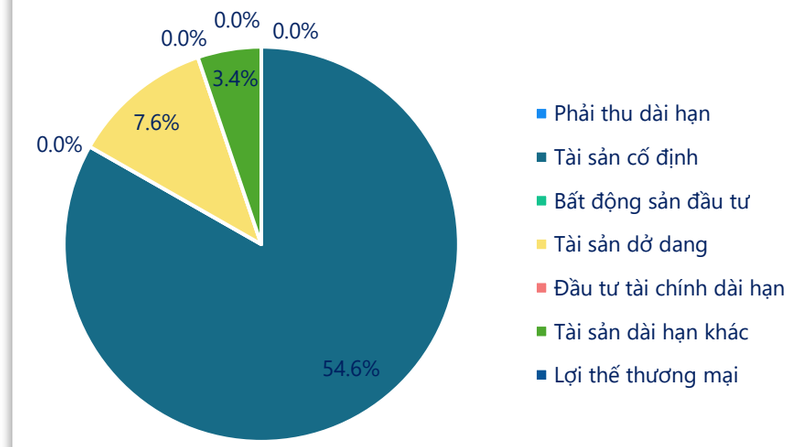

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh (HNX: QST)

Tiền và tương đương tiền

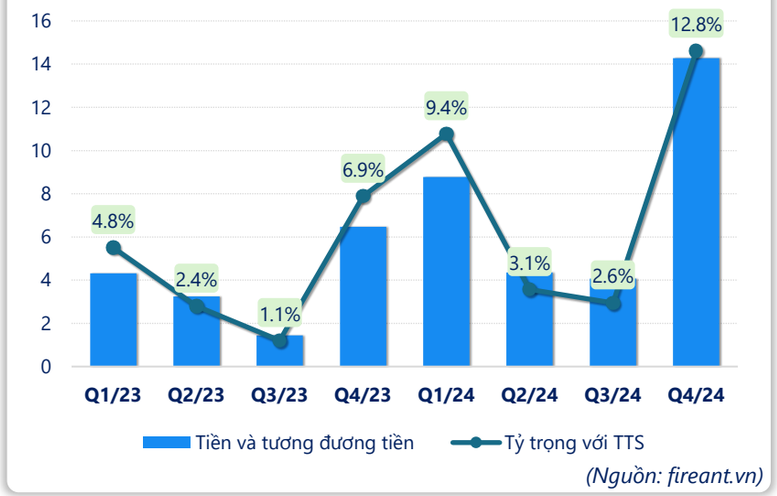

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

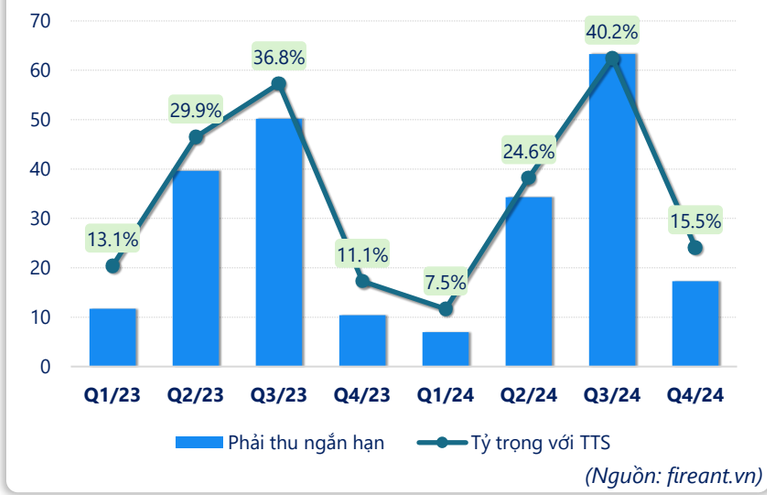

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

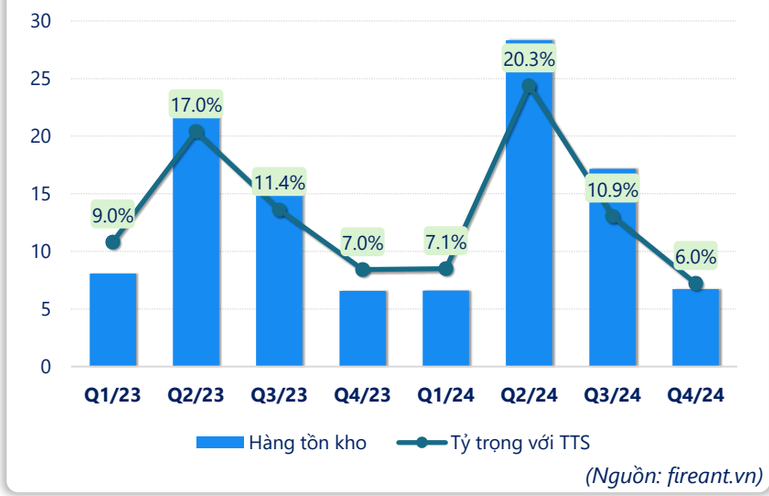

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

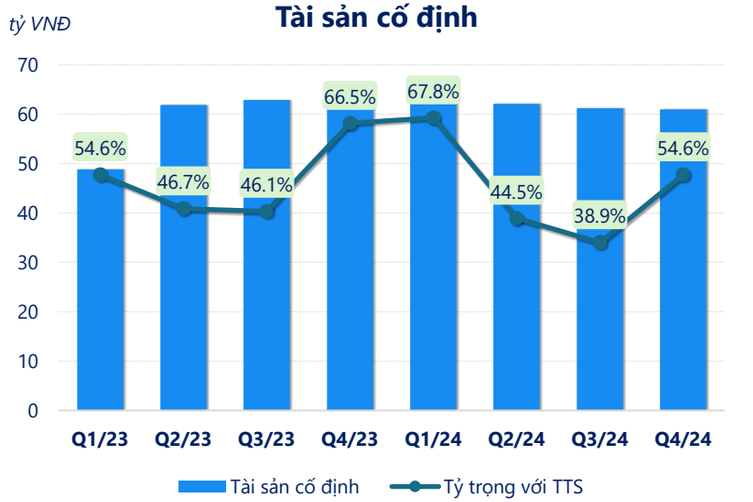

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

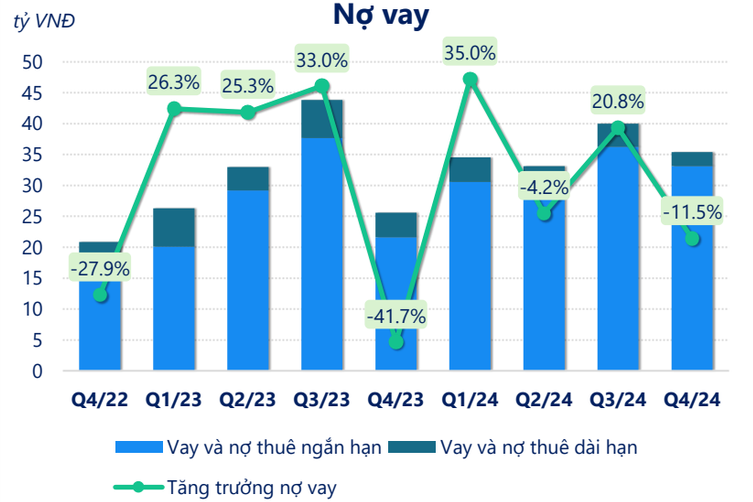

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

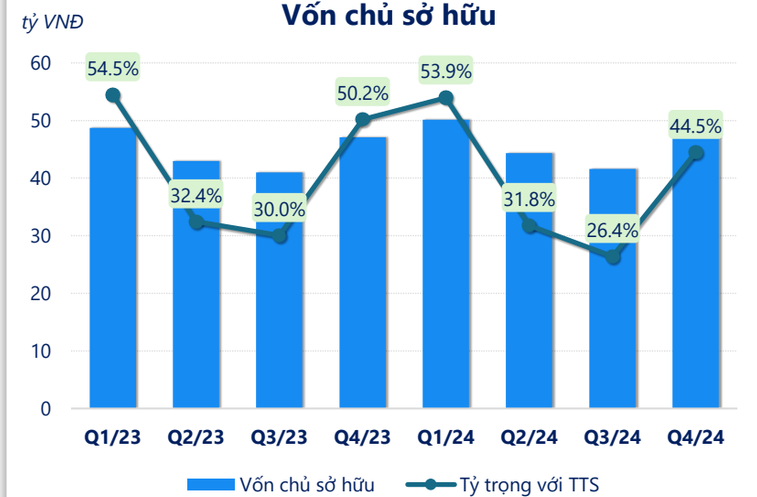

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh (HNX: QST)

Kết quả kinh doanh

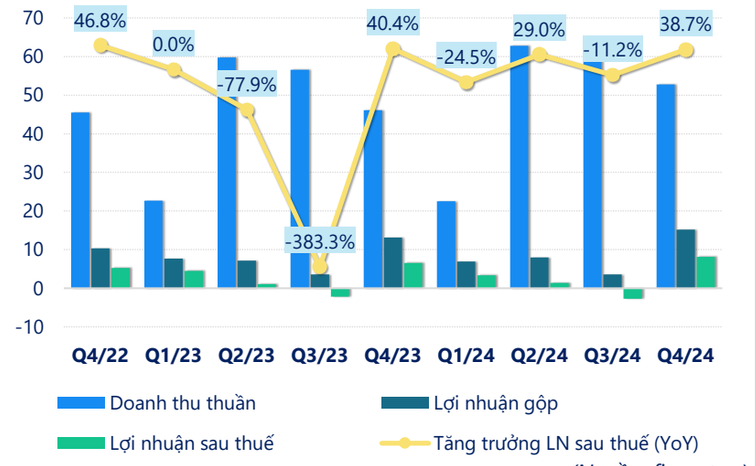

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

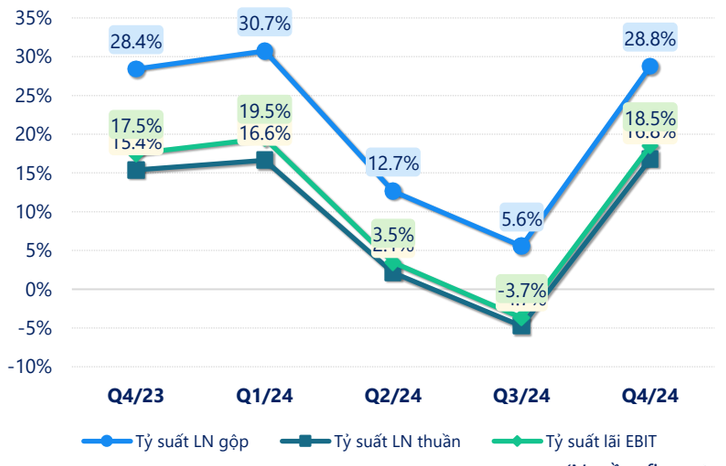

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

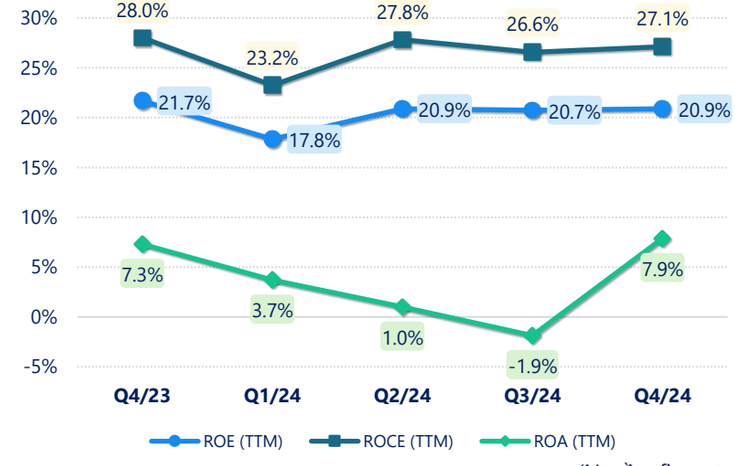

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

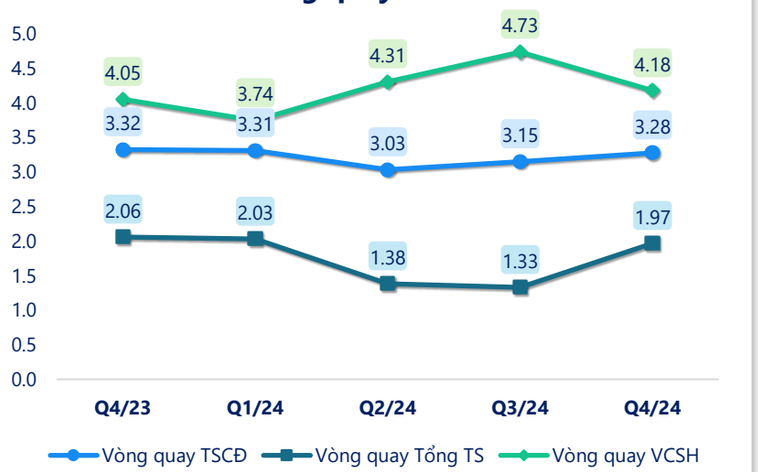

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

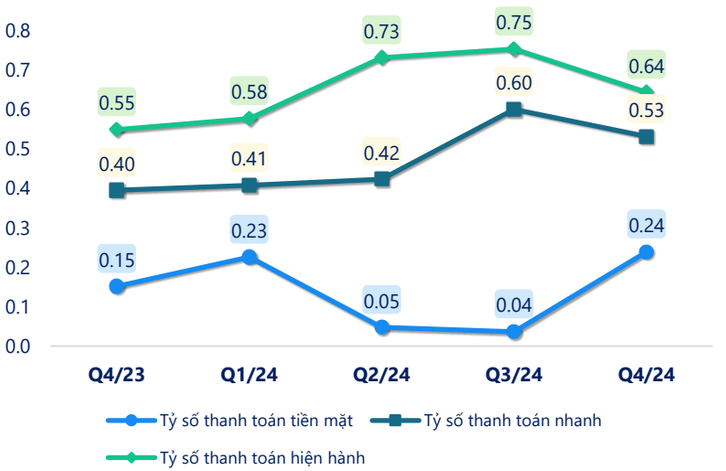

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

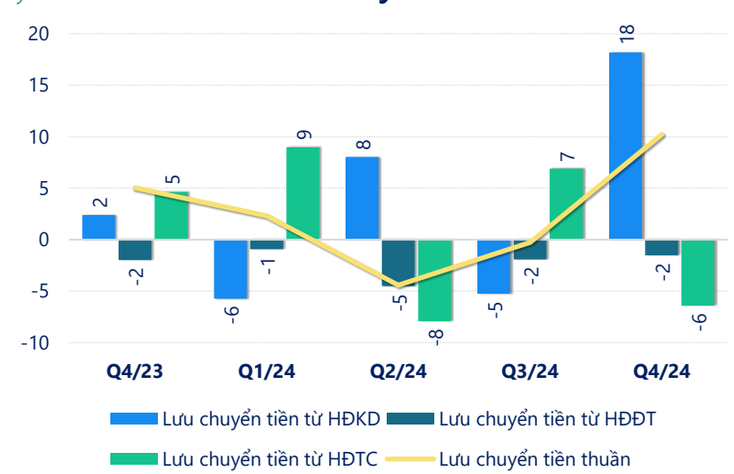

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh (HNX: QST)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**112**	**93.9**	**19.0%**
Tài sản ngắn hạn	38.5	23.8	62.0%
Tiền và tương đương tiền	14.3	6.47	121%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	17.3	10.4	65.9%
Hàng tồn kho	6.72	6.57	2.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.19	0.28	-32.7%
Tài sản dài hạn	**73.3**	**70.2**	**4.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	61.0	62.3	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.47	2.35	260%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.82**	**5.46**	**-30.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	62.1	46.8	32.5%
Nợ ngắn hạn	**59.8**	**44.2**	**35.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.1	22.9	44.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.57	5.82	30.2%
Nợ dài hạn	2.30	2.68	-14.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.30	2.68	-14.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**49.7**	**47.1**	**5.6%**
Vốn chủ sở hữu	**49.7**	**47.1**	**5.6%**
Vốn điều lệ	32.4	32.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	46.1	22.6	62.8	63.9	52.8
Giá vốn hàng bán	33.0	15.6	54.8	60.4	37.6
Lợi nhuận gộp	13.1	6.93	7.94	3.55	15.2
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.78	0.64	0.66	0.69	0.64
Chi phí lãi vay	0.78	0.64	0.66	0.69	0.64
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.77	1.13	4.41	3.03	2.46
Chi phí QLDN	2.47	1.41	1.53	2.87	3.22
LN thuần từ HĐKD	7.10	3.75	1.35	-3.03	8.87
Lợi nhuận khác	0.20	0	0.17	-0.01	0.25
LN trước thuế	7.30	3.75	1.51	-3.04	9.12
Lợi nhuận sau thuế	6.56	3.38	1.36	-2.74	8.10
LNST của CĐ cty mẹ	6.56	3.38	1.36	-2.74	8.10

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.40	-5.74	8.01	-5.24	18.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.98	-0.92	-4.52	-1.92	-1.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.62	8.96	-7.91	6.88	-6.43
Tiền đầu kỳ	1.44	6.47	8.77	4.35	4.07
Lưu chuyển tiền thuần	**5.03**	**2.30**	**-4.42**	**-0.28**	**10.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.47	8.77	4.35	4.07	14.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic